

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2025/HS-ST
Ngày: 25 - 03 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự.
2. Ông Mai Văn Chất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2025/TLST - HS ngày 05 tháng 03 năm 2025. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 2006 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Văn P1, sinh năm 2002 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Đ1. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trần Văn P2, sinh năm 2004 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: không

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 20/01/2025 của Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo số tiền

4.000.000đồng về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”. Ngày 23/01/2025, bị cáo P2 đã thi hành xong, chưa được xóa vi phạm.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Trịnh Hương T1, sinh năm 2003 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Duy T2 và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết). Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Quốc Đ2, sinh năm 2003 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị H2. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Trịnh Thị Y, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn H3; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi trưa ngày 30/01/2025, sau khi ăn uống cùng nhau Nguyễn Văn P rủ Trần Văn P2 đến nhà anh Đỗ Hồng Q, sinh năm 2006 ở xóm T, xã V, huyện K đánh bạc. Lúc này P2 bảo “có gì tôi trả lời”, sau đó cả hai đi về. Đến tối cùng ngày, Trần Văn P2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng gọi điện rủ P và Trịnh Hương T1 đến nhà anh Q đánh bạc, cả hai đồng ý. T1 dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, màu đen gọi điện rủ Nguyễn Văn P1 đến đánh bạc, P1 đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Trần Văn P2 đến quán tạp hóa của bà Phạm Thị L1, sinh năm 1960, tại xóm Đ, xã V mua 01 bộ tú lơ khơ 52 quân với giá 10.000đồng mang đến nhà Q. Đến nơi Trần Văn P2 thấy Q đã say và ngủ trên ghế ở phòng khách, bà Trịnh Thị Y, sinh năm 1986 (là mẹ của Q) đang ở căn nhà cấp 4 phía sau nhà. Do chưa đủ người chơi nên Trần Văn P2 và P rủ nhau đi ăn. Sau đó T1, Nguyễn Văn P1 và Nguyễn Quốc Đ2 lần lượt đến nhà Q (trước Nguyễn Văn P1 gọi điện và rủ Đ2 đi đánh bạc cùng). Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, P và Trần Văn P2 về đến nhà Q, thấy T1, Nguyễn Văn P1 và Nguyễn Quốc Đ2 đang ngồi chơi nói chuyện ở phòng khách. Trần Văn P2 và P đi lên gác xép, Trần Văn P2 bỏ bộ tú lơ khơ đã mua trước đó ra chiếu đã trải sẵn trên gác xép. Lúc này T1, Đ2 và Nguyễn Văn P1 cũng đi lên gác xép, cả 05 thống nhất đánh bạc bằng hình thức “Liêng”, thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng với mức độ sát phạt là góp gà 20.000đồng, tố cao nhất 200.000đồng.

Các đối tượng bắt đầu đánh bạc từ hồi 22 giờ 30 phút ngày 30/01/2025 đến khoảng 00 giờ ngày 31/01/2025 do Trần Văn P2 hết tiền nên đi ngủ. Còn P, Nguyễn Văn P1, Đ2 và Trịnh Hương T1 tiếp tục chơi đến 06 giờ ngày 31/01/2025 nghỉ không chơi nữa.

Nhận được tố giác của quần chúng nhân dân, hồi 07 giờ ngày 31/01/2025 Công an xã V, huyện K đã đến nhà bà Trịnh Thị Y để xác minh, triệu tập Nguyễn Văn P đến làm việc, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội với Cơ quan công an. Cùng ngày, Cơ quan công an đã triệu tập Trần Văn P2, Nguyễn Văn P1, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 đến làm việc.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các đối tượng huy động vào việc đánh bạc là 6.200.000 đồng gồm: của T1 là 1.000.000 đồng, của Đ2 là 1.000.000 đồng, của Trần Văn P2 là 1.000.000 đồng, của P là 2.300.000 đồng và của Nguyễn Văn P1 là 900.000 đồng. Ngoài ra trong quá trình chơi, P và Nguyễn Văn P1 còn đánh bạc riêng với nhau, mỗi ván với số tiền giao động từ 200.000 đồng, 500.000 đồng, 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng. Kết thúc đánh bạc P đã thua Nguyễn Văn P1 tổng số tiền 39.000.000 đồng. P đã sử dụng tài khoản ngân hàng M1 để chuyển khoản 02 lần vào tài khoản ngân hàng C số 0375361020 của Nguyễn Văn P1 để trả nợ cho Nguyễn Văn P1 số tiền là 15.000.000 đồng, P còn nợ lại P1 số tiền 24.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Trần Văn P2, Nguyễn Quốc Đ2 và Trịnh Hương T1 huy động vào việc đánh bạc là 6.200.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn P1 huy động vào việc đánh bạc là 45.200.000 đồng gồm: 6.200.000 đồng đánh bạc chung với Trần Văn P2, Đ2, T1 và 39.000.000 đồng cả hai đánh bạc riêng với nhau.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ tại nhà bà Y 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc nhựa màu xanh, kích thước (1,6 x 2)m. Thu giữ của T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, màu đen; thu giữ của Trần Văn P2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng; thu giữ của Nguyễn Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám; thu giữ của Đ2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh và số tiền 4.000.000 đồng có được từ việc đánh bạc; thu giữ của Nguyễn Văn P1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu xanh đen và số tiền 17.200.000 đồng có được từ việc đánh bạc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS -KS ngày 28/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với bị cáo Trần Văn P2.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự; các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự; các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Hương T1, Nguyễn Quốc Đ2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 (*mười lăm*) đến 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 từ 12 (*mười hai*) đến 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*hai mươi tư*) đến 30 (*ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P1 cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P1 từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P2 từ 9 (*chín*) đến 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn P2 từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trịnh Hương T1 từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, màu đen thu giữ của bị cáo Trịnh Hương T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng thu của bị cáo Trần Văn P2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám thu của bị cáo Nguyễn Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh thu giữ của Nguyễn

Quốc Đ2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu xanh đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P1.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 do liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P1 do liên quan đến việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp lại số tiền liên quan đến việc phạm tội là 24.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước (1,6 x 2)m

3.Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hướng T1 và Nguyễn Quốc Đ2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì các bị cáo lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 7 giờ 00 phút ngày 31 tháng 1 năm 2025, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 30/01/2025 đến 06 giờ ngày 31/01/2025 tại nhà bà Trịnh Thị Y ở xóm T, xã V, huyện K. Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hướng T1 và Nguyễn Quốc Đ2 có hành vi đánh bạc với hình thức “Liêng”, số tiền huy động vào việc đánh bạc là 6.200.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình đánh bạc với các bị cáo nêu trên, bị cáo Nguyễn Văn P và bị cáo Nguyễn Văn P1 còn có hành vi đánh bạc riêng với nhau cũng bằng hình thức “Liêng”, số tiền huy động vào việc đánh bạc là 39.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn P và bị cáo Nguyễn Văn P1 huy động vào việc đánh bạc là 45.200.000 đồng.

Đôi chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “**Đánh bạc**”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc

hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...
3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

[2] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy cả năm bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Giữ vai trò cao nhất trong vụ án là bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn P3, cả hai bị cáo đánh bạc cùng với ba bị cáo còn lại, ngoài ra hai bị cáo còn đánh bạc riêng với nhau số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngang nhau và cao hơn các bị cáo còn lại do vậy mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn P1 là cao nhất trong vụ án. Bị cáo P là người rủ rê bị cáo Nguyễn Văn P1 đánh bạc riêng với nhau với mức sạt phạt cao nên hình phạt của bị cáo P cao hơn mức hình phạt áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn P1.

Bị cáo Trần Văn P2 giữ vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo Trần Văn P2 là khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác, là người trực tiếp chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ phục vụ cho việc đánh bạc, nhưng số tiền của bị cáo Trần Văn P2 sử dụng vào việc đánh bạc thấp hơn hai bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn P1 do vậy mức hình phạt áp dụng cho bị cáo Trần Văn P2 thấp hơn hai bị cáo Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn P nhưng cao hơn bị cáo T1 và bị cáo Đ2.

Giữ vai trò cuối cùng trong vụ án là bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 và bị cáo Trịnh Hương T1, cả hai bị cáo có số tiền đánh bạc ngang nhau và thấp hơn các bị cáo

còn lại. Do vậy mức hình phạt của hai bị cáo T1 và Đ2 là thấp hơn ba bị cáo còn lại.

Xét tính chất vai trò, nhân thân các bị cáo Nguyễn Văn P1, Nguyễn Nguyễn Văn P phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội căn cứ điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với hai bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Như vậy là thể hiện sự khoan hồng tính nhân đạo của pháp luật

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn P1 và Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn P2 do bị cáo có nhân thân xấu, đang có tiền sự về việc “Mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Như vậy mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Văn P2 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 do các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, số tiền đánh bạc ít. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng mức hình phạt chính bằng tiền đối với cả hai bị cáo Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 để tạo ra nguồn thu nộp cho ngân sách nhà nước cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo.

Do áp dụng hình phạt chính bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Đ2, Trịnh Hương T1.

[5] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, màu đen thu giữ của bị cáo Trịnh Hương T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng thu của bị cáo Trần Văn P2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám thu của bị cáo Nguyễn Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh thu giữ của Nguyễn Quốc Đ3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu xanh đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P1. Các bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc với nhau, rủ nhau đi đánh bạc, là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Nay cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 do bị cáo phạm tội mà có và liên quan đến việc phạm tội. Cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 17.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P1 do liên quan đến việc phạm tội. Nay cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 24.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn P1 đánh bạc với bị cáo Nguyễn Văn P do P thua bạc chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Văn P1. Số tiền liên quan đến việc phạm tội. Nay cần buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp ngân sách nhà nước.

01 bộ tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc nhựa màu xanh, kích thước (1,6 x 2)m, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với bà Trịnh Thị Y và anh Nguyễn Hồng Q1 (là chủ nhà) nhưng không biết việc Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 đánh bạc tại nhà mình. Mặt khác cả hai không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc nên bà Y và anh Q1 không vi phạm pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo là những người bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

[7] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn P2.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65; Điều 58; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 58; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Hương T1, Nguyễn Quốc Đ2.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 331, 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc

người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P 10 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P1 cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P1 10 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn P2 10 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trịnh Hương T1 25 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 25 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

2.1. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, màu đen thu giữ của bị cáo Trịnh Hương T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng thu của bị cáo Trần Văn P2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám thu của bị cáo Nguyễn Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh thu giữ của Nguyễn Quốc Đ2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu xanh đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P1.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước (1,6 x 2)m

2.2. Về áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 do liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P1 do liên quan đến việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp lại số tiền liên quan đến việc phạm tội là 24.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28 tháng 2 năm 2025 và giấy nộp tiền ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

3.Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn P1, Trần Văn P2, Trịnh Hương T1 và Nguyễn Quốc Đ2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 03 năm 2025). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản.
- UBND xã V, huyện K, tỉnh NB
- UBND xã K, huyện K, tỉnh NB.
- Bị cáo: 05 bản.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 01 bản
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh